

THỊ TRƯỜNG DỊCH VỤ VÀ SẢN PHẨM THÔNG TIN DƯỚI GÓC ĐỘ TỔ CHỨC HOẠT ĐỘNG THÔNG TIN¹

GS.TS. Rodionov I.

Đại học Tổng hợp Quốc gia (Liên bang Nga)

TS. Lê Trọng Hiền

Trung tâm Thông tin KH&CN Quốc gia

Vai trò của nhà nước và khu vực ngoài nhà nước trong tổ chức hoạt động thông tin và cơ chế bảo đảm tính bình đẳng trong khai thác các dịch vụ và sản phẩm thông tin theo hình thức sở hữu, các nhiệm vụ quản lý cơ sở hạ tầng thông tin của nhà nước trong nền kinh tế thị trường. Môi trường pháp lý của hoạt động thông tin và cơ chế bảo đảm tính bình đẳng trong sử dụng dịch vụ và sản phẩm thông tin.

Trên thế giới hiện tồn tại một số mô hình tổ chức hoạt động thông tin. Chúng khác biệt nhau trước hết ở vai trò của nhà nước trong việc quản lý điều hành và ở mức độ tích hợp vào thị trường thông tin quốc gia và quốc tế.

Tại những nước với nền kinh tế thị trường chưa phát triển, hoạt động thông tin thường do nhà nước kiểm soát hoàn toàn, và do được định hướng vào việc phục vụ các lợi ích quốc gia, mà trước hết là phục vụ các cơ quan quản lý nhà nước các cấp, nên nhìn chung hoạt động này phát triển chưa đủ mức cần thiết.

Tại những nước có nền kinh tế thị trường phát triển, hoạt động thông tin cũng phát triển đáng kể. Mức độ phát triển này, như thông lệ, được xác định một cách trực tiếp thông qua mức gắn kết của nó vào cấu trúc của cơ sở hạ tầng bảo đảm quan hệ thị trường.

Để hiểu rõ vấn đề tổ chức có tác động như thế nào đến việc tạo ra thị trường thông tin, bài viết này xem xét sâu hơn vai trò của nhà nước và khu vực ngoài nhà nước trong vấn đề này, môi trường pháp lý cho hoạt động thông

tin và cơ chế bảo đảm tính bình đẳng trong khai thác các dịch vụ và sản phẩm thông tin. Các thí dụ minh họa được lấy từ 2 khối nước, các nước có nền kinh tế thị trường phát triển lâu đời và nước Nga, nơi đã từng xây dựng một cơ sở hạ tầng thông tin hùng hậu theo cơ chế bao cấp và sau chuyển dần sang cơ chế thị trường.

Việc phân cấp các tổ chức thông tin trong thị trường thông tin

Không phụ thuộc vào sơ đồ tổ chức, cơ sở hạ tầng thông tin quốc gia ở đa số các nước phát triển đều bao gồm các tổ chức thông tin thuộc 3 cấp như sau:

- Cấp 1: các trung tâm và hệ thống thông tin có tầm cỡ quốc gia, nơi sản xuất ra các CSDL và/hay là cung cấp kết nối tới các CSDL từ xa ở quy mô toàn cầu;

- Cấp 2: các trung tâm và hệ thống thông tin lãnh thổ và chuyên ngành, nơi tiến hành việc cung cấp thông tin cho ngành, khu vực và tổ chức các hình thức hoạt động trên cơ sở khai thác CSDL và dịch vụ nhận được từ các tổ chức cấp 1, đồng thời cũng tiến hành xây dựng các CSDL của ngành và địa phương;

¹ Bài viết nằm trong loạt bài được Ban Biên tập "Tập chí Thông tin và Tư liệu" chọn đăng từ số 3/2008, hướng vào việc triển khai Nghị định 115/2005/NĐ-CP trong hoạt động thông tin KH&CN.

- Cấp 3: Các nhà môi giới thông tin (broker) cung cấp tin cho người dùng trên cơ sở xử lý và bao gói lại các dịch vụ thông tin đã được chuẩn hoá của các tổ chức cấp 1 và cấp 2; Bộ phận thông tin của các tổ chức, xí nghiệp, thư viện và doanh nhân trong các lĩnh vực hẹp hoặc khó kiếm thông tin tiến hành việc cung cấp các sản phẩm và dịch vụ có thể cạnh tranh được với sản phẩm và dịch vụ của các tổ chức cấp 1 và cấp 2.

Vào đầu những năm 80 thế kỷ trước, tại các nước có nền kinh tế thị trường phát triển, đã xuất hiện rất nhiều nhà môi giới thông tin và các công ty thông tin quy mô nhỏ. Lý do là, trên thị trường khi đó, các dịch vụ thông tin chuẩn hoá đã sẵn có và được cung cấp với giá rẻ, trong khi đó người dùng lại rất cần các dịch vụ thông tin mang tính đặc thù. Thực tế là, các tổ chức thông tin cấp 1 và cấp 2, mặc dù đã hoạch định cho mình một chiến lược thị trường thông tin đa năng (sẵn sàng đáp ứng bất cứ nhu cầu nào của người dùng tin) nhưng đã không cạnh tranh nổi về chất lượng dịch vụ so với các nhà môi giới và công ty nhỏ. Đa số các công ty nhỏ (chỉ vài người làm việc) đã bảo đảm cung cấp cho khách hàng dịch vụ thông tin chất lượng cao hơn trong rất nhiều lĩnh vực hẹp của thị trường thông tin.

Vai trò của nhà nước và khu vực ngoài nhà nước trong việc tổ chức hoạt động thông tin

Tại đa số các nước phát triển, trên thị trường xuất hiện đồng thời các tổ chức thông tin thuộc 3 hình thức sở hữu: nhà nước, xã hội (công cộng hoặc phi thương mại) và tư nhân. Tỷ lệ phần trăm của thị trường do các tổ chức thông tin thuộc 3 hình thức sở hữu này chiếm lĩnh rất khác nhau tùy theo quốc gia và lĩnh vực kinh tế. Ở Hoa Kỳ, theo

truyền thống, khu vực tư nhân phát triển hơn, ở Tây Âu và Nhật Bản - khu vực nhà nước, còn khu vực xã hội của 2 bên - tương đương nhau. Ở nước Nga, khu vực nhà nước và xã hội gắn với nhau làm một, đồng thời khu vực tư nhân gần như chiếm lĩnh hoàn toàn một số bộ phận của thị trường thông tin doanh nghiệp và thông tin chuyên dạng.

a. Phân loại các tổ chức thông tin theo hình thức sở hữu

Các tổ chức thông tin thuộc sở hữu nhà nước có thể chia làm 2 loại như sau:

Các tổ chức được cấp phát kinh phí (một phần hoặc toàn bộ) từ ngân sách nhà nước bao gồm:

Các tổ chức thông tin không tiến hành hoạt động kinh tế độc lập (chủ yếu đó là các tổ chức thông tin thuộc cơ quan nhà nước và một số thư viện);

Các tổ chức thông tin tiến hành hoạt động kinh tế độc lập (ở nước Nga, đó là các cơ quan thông tin toàn liên bang, ở Hoa Kỳ - là National Technical Information Service - NTIS hoặc National Library of Medicine - NLM).

Các tổ chức không được cấp phát kinh phí từ ngân sách nhà nước và tiến hành hoạt động kinh tế độc lập theo nguyên tắc tự hạch toán nhưng dựa vào (một phần hoặc toàn bộ) đầu tư của nhà nước bao gồm:

- Các tổ chức thương mại có phân chia lợi nhuận giữa các chủ sở hữu (nhà xuất bản và cơ sở in ấn nhà nước);

- Các tổ chức phi thương mại, không phân chia lợi nhuận mà đầu tư vào phát triển (cơ quan thông tin ngành trực thuộc bộ).

Một điểm cần lưu ý là, các tổ chức không được cấp phát kinh phí từ ngân sách nhà nước, về thực chất, không khác mấy các tổ

chức tư nhân, chúng ra đời do tư nhân không quan tâm đến những khu vực nào đó và nhà nước nhận thấy đầu tư vào đó để có được thông tin là cần thiết.

Các tổ chức thông tin xã hội (công cộng) là bộ phận thông tin của các hội khoa học, khoa học kỹ thuật và chuyên ngành, các hiệp hội công nghiệp và thương mại, ... mà hoàn toàn không hoặc rất ít phụ thuộc vào nhà nước.

Các tổ chức thông tin thuộc sở hữu cá thể bao gồm các hãng, công ty tư nhân độc lập và các bộ phận thông tin trực thuộc vào các hãng và công ty tư nhân.

Thực tế cho thấy rằng, cơ sở hạ tầng thông tin không thể hoà nhập vào thị trường cùng một lúc ở tất cả các cấp. Đạt tới mức tự hạch toán trên cơ sở nguồn vốn làm ra chỉ có thể dần dần cùng với sự phát triển của các mối quan hệ thị trường, bắt đầu từ cấp 3, nơi mà công việc được trả công trực tiếp từ người tiêu dùng, kể đó là cấp 2 rồi mới đến cấp 1. Việc này quả không phải là đơn giản, bởi đầu tư vào hoạt động thông tin vốn dĩ không mang lại hiệu quả cao và nhanh. Ở cấp 3, lượng đầu tư còn có thể tối thiểu (chẳng hạn: tiền mua máy tính, quỹ tiền lương cho vài tháng, không thuê văn phòng mà làm việc tại nhà) vì khả năng hoàn vốn nhanh. Ở cấp 2, để xây dựng các CSDL đòi hỏi vốn đầu tư đáng kể. Còn ở cấp 1, việc đầu tư cho xây dựng nguồn lực

thông tin quốc gia sẽ tương đương với việc đầu tư lớn vào bất động sản.

Do khả năng thanh toán cho dịch vụ thông tin, không những chưa bảo đảm được nguồn lực cần thiết cho sự phát triển cơ sở hạ tầng thông tin nói chung, mà còn chưa đủ để trang trải toàn bộ chi phí cho hoạt động thậm chí của cấp 2, chưa nói đến cấp 1, nên không có nơi nào mà cơ sở hạ tầng thông tin đang được điều hành tuyệt đối theo các nguyên tắc thị trường. Ngoài ra, một số bộ phận thông tin cấp 1 và 2 vốn dĩ được định hướng vào việc phục vụ không theo nguyên tắc thị trường (khu vực xã hội và nhà nước), và bởi vậy, chúng đòi hỏi nguồn kinh phí phi thị trường. Nói một cách khác, để triển khai hoạt động thông tin cần tích lũy và khai thác mọi nguồn vốn có thể, từ ngân sách, các chương trình nhà nước, từ công nghiệp và doanh nghiệp, đến các quỹ xã hội.

Kinh nghiệm thế giới cũng cho thấy, trong điều kiện chuyển hoạt động thông tin sang mô hình phát triển theo cơ chế thị trường, việc cấp kinh phí trực tiếp từ ngân sách nhà nước sẽ bị cắt giảm. Đồng thời phần kinh phí từ các nguồn ngoài nhà nước phải được tăng lên, nghĩa là, cùng một lúc giảm vai trò quản lý hành chính của nhà nước đối với cơ sở hạ tầng thông tin và tăng nhu cầu thay đổi chính sách của nhà nước trong lĩnh vực thông tin²

² Liên quan đến vấn đề quyền sở hữu và tổ chức, ở nước ta, khi áp dụng Nghị định 115/2005/NĐ-CP, tổ chức KH&CN có những thuận lợi sau:

- Được giao tài sản, kể cả giá trị quyền sử dụng đất;
- Được tự chủ toàn diện về tổ chức bộ máy, biên chế, tài chính;
- Được chủ động nâng lương cho cán bộ viên chức đúng hạn, trước thời hạn và vượt bậc trong cùng ngạch; được quyền tuyển dụng và bổ nhiệm ngạch cho viên chức, giải quyết mọi chế độ cho viên chức theo quy định của pháp luật;
- Được hỗ trợ đầu tư phát triển khi tăng trưởng tốt, khi chuyển đổi sớm và có dự án khả thi;
- Không giới hạn thu nhập, quỹ lương được tính vào chi phí hợp lý trước thuế;
- Riêng tổ chức KH&CN chuyển đổi thành tổ chức tự trang trải kinh phí hoạt động thường xuyên được quyền sản xuất kinh doanh và được cấp giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh như doanh nghiệp, được hưởng các quyền lợi khác của doanh nghiệp theo quy định của Luật Doanh nghiệp (ví dụ xuất nhập khẩu trực tiếp, miễn giảm thuế thu nhập doanh nghiệp như doanh nghiệp mới thành lập...) [2].

b. Nhiệm vụ quản lý cơ sở hạ tầng thông tin của nhà nước trong giai đoạn chuyển đổi sang mô hình phát triển hoạt động thông tin theo kiểu thị trường

Các nhiệm vụ quản lý của nhà nước rất nhiều, nhưng khi chuyển hoạt động thông tin sang cơ chế thị trường, có thể quy tụ các nhiệm vụ này vào 4 nhóm chính như sau:

- Duy trì và phát triển một cách cân đối cơ sở hạ tầng thông tin quốc gia nhằm thích ứng với điều kiện và nhu cầu của kinh tế thị trường, và vì lợi ích toàn xã hội, không để mất đi một số bộ phận của cơ sở hạ tầng thông tin (trước hết là các hệ thống của cấp 1, là cái ít mang tính thị trường nhất) rất cần cho việc đáp ứng nhu cầu thông tin của toàn xã hội, nhưng không còn được nhà nước cấp kinh phí trong; khi kinh phí ngoài nhà nước chưa có hoặc không đủ;

- Tạo ra các điều kiện kinh tế và pháp lý cần thiết nhằm khuyến khích việc thu hút nguồn kinh phí ngoài nhà nước cho cơ sở hạ tầng thông tin và dần dần thay thế kinh phí nhà nước bằng kinh phí thị trường. Việc này được tiến hành không chỉ ở các bộ phận phục vụ trực tiếp cho kinh tế thị trường mà còn ở cả các bộ phận cần cho việc đảm bảo tính cân đối của cơ sở hạ tầng thông tin và đáp ứng các nhu cầu xã hội;

- Biến đổi cơ sở hạ tầng thông tin bằng cách thu hút các đơn vị ngoài nhà nước vào

công tác quản lý và điều hành cơ sở hạ tầng này, chia sẻ trách nhiệm với họ để cơ sở hạ tầng thông tin hoạt động và phát triển;

Hoàn thiện cấu trúc tổ chức chức năng của hệ thống các tổ chức thông tin nhà nước cũng như hệ thống quản lý các tổ chức này.

Trong điều kiện chưa thể đưa các tổ chức thông tin vào hoạt động bình thường trên cơ sở thương mại theo cơ chế thị trường do chưa đủ vốn đầu tư hoặc do mức cầu chưa đủ, phương tiện quan trọng để thu hút kinh phí ngoài nhà nước vào những lĩnh vực nhất định của hoạt động thông tin sẽ là: **trao cho các tổ chức này quyền hoạt động (cơ sở pháp lý) không theo đuổi mục tiêu lợi nhuận và được hưởng ưu đãi về thuế.** Những tổ chức này sẽ không khác gì các tổ chức thương mại, chúng định hướng vào thu lợi nhuận, nhưng lợi nhuận sẽ không được phân chia cho các chủ sở hữu mà dành cho phát triển hoạt động của tổ chức. Rất nhiều hệ thống và tổ chức nền tảng của thông tin khoa học công nghệ trên thế giới như Chemical Abstracts Service CAS, BIOSIS, INSPEC đều làm việc theo nguyên lý này³.

Quá trình chuyển cơ sở hạ tầng thông tin sang vận hành theo cơ chế thị trường (từ nguồn kinh phí chủ yếu của nhà nước sang chủ yếu ngoài nhà nước) cần phải được **tiến hành theo giai đoạn.** Mỗi giai đoạn phải tương ứng với những ưu tiên nhất định của

³ Vấn đề kinh phí hoạt động đã được nêu rõ trong Nghị định 115/2005/NĐ-CP như sau: “Thuật ngữ “tự trang trải kinh phí” được hiểu là “tự trang trải kinh phí hoạt động thường xuyên”. Nghĩa là tổ chức KH&CN chuyển đổi sang cơ chế tự trang trải kinh phí chỉ phải tự trang trải kinh phí hoạt động thường xuyên, bao gồm:

- Các khoản chi cho con người, gồm: Tiền lương; tiền công; các khoản phụ cấp; các khoản trích nộp theo lương;
- Các khoản chi hoạt động bộ máy của tổ chức KH&CN (bao gồm: Chi phí điện nước, điện thoại, xăng xe, công tác phí, sửa chữa nhỏ, chống xuống cấp...);
- Chi nhiệm vụ KH&CN cấp cơ sở.

Các khoản kinh phí khác như: Kinh phí thực hiện các nhiệm vụ (do Nhà nước đặt hàng hoặc thông qua tuyển chọn như đề tài, đề án, dự án sản xuất thử nghiệm...), kinh phí mua sắm trang thiết bị phục vụ nghiên cứu và phát triển công nghệ, kinh phí đầu tư phát triển... vẫn được Nhà nước tiếp tục đầu tư (kể cả sau năm 2009) nếu tổ chức KH&CN có dự án khả thi và đủ năng lực thực hiện.

Xin lưu ý: Trong giai đoạn chuẩn bị chuyển đổi, tổ chức KH&CN có đề án chuyển đổi thành tổ chức tự trang trải kinh phí đã được phê duyệt vẫn được Nhà nước cấp kinh phí hoạt động thường xuyên đến hết năm 2009 với mức không thấp hơn năm 2005” [2].

nhà nước trong điều chỉnh cơ sở hạ tầng thông tin về mặt kinh tế mà trước hết là:

- Giải quyết nhiệm vụ bảo đảm thông tin cho quốc gia;
- Giải quyết các nhiệm vụ xã hội mà nhà nước giữ lại, không giao cho các tổ chức xã hội hoặc thương mại thực hiện;
- Phát triển hài hòa và cân đối bản thân hoạt động thông tin.

Các nước phát triển trên thế giới đều có chính sách riêng trong lĩnh vực hoạt động thông tin. Mỗi giai đoạn của quan hệ thị trường trong hoạt động thông tin đều đòi hỏi một cơ chế tương ứng điều tiết về mặt kinh tế sự phát triển của nó, từ cơ chế chủ yếu là nhà nước sang hỗn hợp trong và ngoài nhà nước, và cuối cùng là cơ chế xã hội. Chính vì vậy, mỗi giai đoạn phát triển cơ chế thị trường của hoạt động thông tin đều phải tương ứng với các xu hướng, cơ chế và phương pháp điều tiết về mặt kinh tế hoạt động này của nhà nước. Các phương pháp này nhằm đảm bảo điều kiện cho sự phát triển hoạt động thông tin một cách hài hòa, cân đối nhờ sử dụng hợp lý nguồn kinh phí được cấp phát từ ngân sách cũng như thu hút đầu tư từ khu vực kinh tế ngoài nhà nước thông qua việc tạo ra cho khu vực này thể chế hoạt động thuận lợi.

Các tổ chức kinh doanh thông tin luôn luôn phải tiến hành hoạt động của mình theo nguyên tắc, lợi nhuận thu được từ đồng vốn bỏ ra không được ít hơn so với việc đầu tư vào các lĩnh vực hoạt động khác. Họ sử dụng, trong kinh doanh, tất cả các công cụ của kinh tế thị trường như cổ phiếu, vay tín

dụng, bảo hiểm,... Hoạt động thông tin, dưới góc độ đầu tư, vốn dĩ không được coi là đem lại hiệu quả và lợi nhuận cao. Giá của dịch vụ thông tin nhìn chung không cao, việc tăng giá luôn bị nỗi lo mất khách kìm hãm (mặc dù giới doanh nhân đôi khi có thể sẵn sàng trả giá cao). Bởi vậy, đa số các cơ sở mua bán thông tin đều hoạt động trong điều kiện luôn ở ranh giới giữa tồn tại và có thể phá sản. Tuy vậy, tính mạo hiểm của việc đầu tư vào hoạt động thông tin không làm cho các nhà tư bản lớn sợ hãi. Những năm gần đây, nhiều tài phiệt đã mua với giá cao các tổ chức buôn bán thông tin làm ăn hiệu quả trong lĩnh vực thông tin đại chúng hoặc sản xuất các phương tiện công nghệ thông tin. Còn tư nhân nói chung đều cố chiếm lĩnh các khu vực thu lợi nhuận cao nhất của thị trường thông tin, nhà nước chỉ còn đóng vai trò đảm bảo sự cân đối cho thị trường này⁴.

c. Nhiệm vụ cần đáp ứng của các dịch vụ và sản phẩm thông tin

Các sản phẩm và dịch vụ thông tin do các tổ chức nhà nước cung cấp đều nhằm giải quyết các nhiệm vụ mà cơ quan quyền lực và quản lý nhà nước đề ra, trước hết là nhằm đảm bảo các điều kiện:

- Làm việc của chính các cơ quan quyền lực và quản lý;
- Làm việc của các tổ chức khác của nhà nước;
- Phát triển khoa học công nghệ và phát triển doanh nghiệp theo những hướng do cơ quan quyền lực và quản lý xác định;
- Tiếp cận của người dân tới các nguồn tin

⁴ "Trả lời phỏng vấn với đài truyền hình NBC, Bill Gates dự đoán rằng" "Microsoft khó có thể đạt được thỏa thuận nào với Yahoo"... đã dập tắt những tia hy vọng cuối cùng của giới đầu tư về một cuộc lương duyên "hạnh phúc và thân thiện" giữa Microsoft cùng Yahoo. Ngay lập tức, giá cổ phiếu Yahoo đã giảm tới 2,81% để đóng cửa ở mức 20,77 USD trong phiên giao dịch cuối giờ sáng. Đây là mức giá thấp nhất và cũng là mức giảm giá mạnh nhất của cổ phiếu này trong vòng 5 tháng trở lại đây. Trước khi Microsoft công khai ngó ý muốn mua lại Yahoo với giá 33USD/cổ phiếu vào hôm 31/1, cổ phiếu Yahoo chỉ trôi sụt quanh ở mức giá 19,75 USD mà thôi. Tuy nhiên, nhờ có tặc nhân Microsoft, giá cổ phiếu Yahoo đã vọt thẳng lên mức 28-29 USD" [3].

xã hội chính như là một trong những phương pháp giải quyết các bài toán xã hội.

Kinh nghiệm của các nước tiên tiến cho thấy:

- Khi giao một nhiệm vụ cụ thể cho hoạt động thông tin và cấp kinh phí từ ngân sách để thực hiện nhiệm vụ này nhà nước nên hướng tới việc đặt hàng các tổ chức tư nhân và xã hội, tạo điều kiện để họ thực hiện. Trước hết, điều này cho phép giải quyết nhiệm vụ với chi phí thấp nhất, và sau đó là, kích thích sự phát triển của khu vực tư nhân và xã hội. Người thực hiện phải được lựa chọn trên cơ sở đấu thầu;

- Nhà nước chỉ xây dựng tổ chức cho chính mình trong hoạt động thông tin khi khu vực tư nhân và xã hội không muốn đáp ứng các nhiệm vụ do nhà nước đặt ra (theo các điều kiện do nhà nước quyết định), hoặc khi nhà nước thông qua tổ chức của nhà nước có thể thực hiện nhiệm vụ với chi phí thấp hơn (điều này khó xảy ra trong thực tế);

- Nhà nước thường xuyên và theo định kỳ tiến hành chuyển giao các nhiệm vụ thông tin cho khu vực tư nhân và xã hội⁵.

Bảo đảm tính bình đẳng trong khai thác các dịch vụ và sản phẩm thông tin đã được tạo ra bằng kinh phí nhà nước

Nhà nước, khi cấp kinh phí cho hoạt động thông tin (dưới dạng đầu tư và/hay là cấp vốn lưu động), không thể không xuất phát từ quan niệm rằng, kết quả của việc đầu tư là thuộc về nhà nước, nghĩa là, các công dân

được quyền sử dụng chúng không mất tiền, vì đó chính là tiền của họ. Điều này làm nảy sinh một loạt các mâu thuẫn:

- Nguyên tắc tự do thông tin, là nguyên tắc công khai và bình đẳng trong việc tiếp cận của người dân tới các sản phẩm và dịch vụ được tạo ra bằng vốn nhà nước, không đủ để điều tiết các mối quan hệ thông tin liên quan đến những sản phẩm và dịch vụ thông tin này;

- Không phải mọi công dân đều quan tâm như nhau đến các sản phẩm và dịch vụ thông tin đã được tạo ra bằng sự đóng góp tập thể của họ và việc sử dụng các sản phẩm và dịch vụ này không thể như nhau;

- Có thể việc sử dụng không đồng đều các sản phẩm và dịch vụ thông tin được tạo ra bằng kinh phí nhà nước của các công dân sẽ đặt các công dân vào những vị thế khác nhau và có thể dẫn đến việc đầu tư bổ sung nhằm đáp ứng nhu cầu của một số công dân này trong khi đó lại giảm khả năng đáp ứng đối với một số công dân khác;

- Một số công dân sử dụng sản phẩm và dịch vụ thông tin được tạo ra bằng kinh phí nhà nước cho riêng cá nhân, một số khác lại sử dụng để tiến hành hoạt động thương mại nhằm thu lợi cho bản thân;

- Việc cung cấp các dịch vụ và sản phẩm thông tin được tạo ra từ kinh phí nhà nước không mất tiền hoặc với điều kiện ưu đãi đều sẽ làm phương hại đến tự do cạnh tranh và đẩy các thành viên khác của thị trường thông

⁵ Về các nhiệm vụ của tổ chức KH&CN, Nghị định 115/2005/NĐ-CP chỉ rõ: “Theo quy định tại Khoản 1, Mục II, Thông tư 12, tổ chức KH&CN có 04 loại nhiệm vụ sau đây:

- Nhiệm vụ KH&CN thông qua tuyển chọn, đấu thầu;

- Nhiệm vụ do các cơ quan nhà nước giao hoặc đặt hàng trực tiếp (kể cả nhiệm vụ do tổ chức KH&CN tự đề xuất và được cấp có thẩm quyền chấp nhận);

- Nhiệm vụ do các tổ chức, cá nhân đặt hàng theo hợp đồng;

- Nhiệm vụ được giao theo chức năng của các tổ chức nghiên cứu khoa học (chỉ áp dụng đối với các tổ chức nghiên cứu khoa học thuộc đối tượng áp dụng quy định tại Khoản 3, Điều 4, Nghị định 115; hoặc các tổ chức nghiên cứu và phát triển được giao nhiệm vụ nghiên cứu cơ bản, nghiên cứu chiến lược chính sách, xây dựng định mức kinh tế kỹ thuật và phục vụ dịch vụ công ích của Nhà nước)” [2].

tin vào thế bất lợi.

Hướng giải quyết trong trường hợp này là áp dụng các nguyên tắc sau:

- Trong tất cả các lĩnh vực của hoạt động thông tin, nơi đã hình thành và tồn tại quan hệ thị trường, các tổ chức thông tin nhà nước nên cung cấp sản phẩm và dịch vụ của mình theo giá thị trường hoặc gắn với giá thị trường (thí dụ MEDLINE) cho mọi người dùng tin. Nhóm người nghèo sẽ được trợ giúp;

- Nếu chưa đủ khả năng khách quan để áp dụng nguyên tắc thị trường ở một số lĩnh vực của hoạt động thông tin (thí dụ: không đủ khả năng trả tiền dịch vụ thư viện) thì dịch vụ và sản phẩm thông tin ở những khu vực đó sẽ được cung cấp miễn phí hoặc với giá rẻ. Tuy nhiên, điều này chỉ liên quan đến các dịch vụ hoàn toàn chuẩn hóa và chỉ dùng để đáp ứng nhu cầu cá nhân (mục tiêu phi thương mại) và không đòi hỏi bất kỳ chi phí bổ sung nào. Thí dụ: quyền vào phòng đọc sách báo, sử dụng CSDL,... Tất cả các dịch vụ còn lại đều phải trả theo giá thị trường;

- Lợi nhuận thu được do bán các sản phẩm và dịch vụ thông tin đã được tạo ra bằng kinh phí nhà nước sẽ được trả lại cho các công dân dưới dạng giảm chi phí nhà nước cho việc tạo ra sản phẩm hoặc thông tin qua cung cấp sản phẩm và dịch vụ chất lượng cao hơn;

- Các tổ chức thông tin nhà nước hoặc các tổ chức sử dụng kinh phí từ ngân sách nhà nước không được phép đưa vào giá thành dịch vụ của mình những chi phí cho xây dựng CSDL và kho tài liệu gốc, và có thể sử dụng khoản tiền thu được do bán sản phẩm và dịch vụ theo giá thị trường chỉ với sự đồng ý của các cơ quan nhà nước hoặc phải hoàn trả lại cho nhà nước (thông qua việc giảm kinh phí từ ngân sách).

Lẽ dĩ nhiên không phải tất cả các nguyên tắc này đã được áp dụng ngay lập tức vào thực tế cuộc sống, tuy nhiên việc áp dụng được tiến hành dần năm này qua năm khác, và ở Châu Âu, chúng đã được Nghị viện Âu châu đưa vào luật.

Cùng với cách tiếp cận kinh tế nói trên, để đảm bảo sự bình đẳng trong sử dụng thông tin, đôi khi (ở những khu vực chưa được thị trường hóa của hoạt động thông tin) có thể áp dụng phần nào các biện pháp hành chính, khi đó nhà nước có thể ấn định đối với thương nhân (sử dụng sản phẩm và dịch vụ thông tin nhận được của nhà nước vào mục đích kinh doanh) mức giá cao hơn so với người dùng thông thường.

Mặc dù kinh nghiệm của các nước phát triển cho thấy, chưa có nước nào mà cơ sở hạ tầng thông tin hoàn toàn làm việc theo nguyên tắc thị trường, nhưng các tổ chức mua bán thông tin và cách tiếp cận thị trường trong việc tổ chức hoạt động thông tin đều cho thấy, trên quy mô toàn cầu, tính triển vọng của việc làm này dưới góc độ hiệu quả và kết quả.

Môi trường pháp lý của hoạt động thông tin

Môi trường pháp lý có ảnh hưởng đáng kể đến việc tổ chức hoạt động thông tin và xu hướng phát triển của nó. Gần như tất cả các nước phát triển đều có môi trường thuận lợi để phát triển hoạt động thông tin, thị trường sản phẩm và dịch vụ thông tin. Quyền của mỗi người được tự do tìm kiếm, tiếp nhận, chuyển giao, tạo ra và phổ biến thông tin cho người khác đã được đưa vào luật pháp (ở Hoa Kỳ có Luật tự do thông tin, ở Nga điều này được ghi trong Hiến pháp). Cùng với Hiến pháp và các luật của mỗi lĩnh vực, quan hệ xã hội trong lĩnh vực thông tin còn được điều tiết bằng Luật công dân, Luật về quyền tác giả,

và một số các văn bản dưới luật thể hiện tính đặc thù của sản phẩm và dịch vụ thông tin với tư cách là khách thể của việc điều tiết quyền lợi. Tại các nước phát triển, theo thông lệ, gần như không có bất cứ sự hạn chế nào về quyền chuyển giao thông tin công khai dưới bất cứ hình thức nào, trên bất cứ vật mang tin nào. Gần như cũng không bị giới hạn trong việc với tới nguồn tin nước ngoài.

Sự xuất hiện vào nửa sau của thập kỷ 80 thế kỷ trước khả năng truy cập tự do và gần như không mất tiền vào mạng Internet đã đóng vai trò lớn nhất vào việc này. Nó đã tác động đến sự ra đời vào đầu thập kỷ 90 các hệ thống và mạng thông tin bộ, ngành, quốc gia và hỗ trợ cho việc hình thành trong xã hội mô hình trao đổi công khai và tự do bất cứ thông tin nào như là nền tảng của cơ sở hạ tầng thông tin quốc gia.

Đặc điểm của các CSDL, như là đối tượng của quyền tác giả, lại đóng vai trò chủ đạo trong thành phần các nguồn lực thông tin của xã hội hiện đại, đã làm cho vấn đề quyền tác giả đối với CSDL luôn được điều chỉnh và đưa vào các luật của mỗi lĩnh vực. Trong quá trình xây dựng CSDL, người ta vẫn hay sử dụng các CSDL, các sổ tra cứu và ấn phẩm có sẵn khác nhau, bởi vậy, một trong những vấn đề cần giải quyết là khả năng xây dựng một CSDL trên cơ sở mảng thông tin lấy từ các CSDL khác và từ mạng thông tin truyền thông.

Đôi điều về việc chuyển hoạt động thông tin sang cơ chế thị trường ở nước Nga

Ở nước Nga, trong một thời gian dài, khái niệm hoạt động thông tin được gắn chủ yếu với thông tin khoa học-kỹ thuật và một phần thông tin xã hội, trong khi đó những loại thông tin này chỉ chiếm khoảng 15-25% thị trường dịch vụ thông tin thế giới. Dưới

thời Liên Xô, một hệ thống thông tin tự động hoá phát triển nhưng khép kín nhằm thực hiện các nhiệm vụ nhất định của một số bộ ngành đã được xây dựng. Trong khi đó, thông tin kinh tế, kinh doanh và thương mại đã bị hệ thống hành chính mệnh lệnh giới hạn trong phạm vi quản lý tác nghiệp cho chính mình. Các khu vực thông tin rất quan trọng đối với kinh tế thị trường như thông tin tài chính, chứng khoán, thống kê dân số đã không được đưa ra đại chúng và thuộc phạm vi tiếp cận chỉ của một nhóm nhỏ các viện nghiên cứu khoa học. Trong điều kiện nền kinh tế kế hoạch hoá tập trung, phần lớn thông tin cần thiết cho các xí nghiệp trong hoạt động kinh doanh sản xuất của họ đã được đáp ứng bằng các quyết định của hệ thống hành chính mệnh lệnh, mang tính bán công khai và không mua được ở cả trong và ngoài nước. Khi hệ thống này bị xoá bỏ, các xí nghiệp được quyền tự do kinh doanh, nhưng lại rơi vào trạng thái thiếu tất cả các thông tin liên quan đến kinh doanh và thương mại, những cái vô cùng cần thiết cho hoạt động sản xuất trong điều kiện kinh tế thị trường đang hình thành. Việc thiếu thông tin kinh doanh, một mặt đã phá vỡ các quan hệ kinh tế trong ngành và liên ngành vốn có, mặt khác làm xuất hiện hàng loạt các đối tác kinh tế ngoài nhà nước (hợp tác xã, xí nghiệp nhỏ,...).

Thời gian dành cho việc cải tổ cơ sở hạ tầng thông tin ở nước Nga không nhiều, vắn vện chỉ vài năm (1991-1995). Nước Nga đã xác nhận một thực tế của thế giới là: **để chuyển hoạt động thông tin sang mô hình thị trường phát triển, một cách khách quan đòi hỏi khoảng thời gian tương đối dài.** Ngay tại Hoa Kỳ, vốn được coi là đi đầu trong lĩnh vực này, bước chuyển đổi cũng đã không diễn ra ngay lập tức mà trong mười mười lăm năm.

Hoạt động thông tin KH&CN nước ta trong bước chuyển sang kinh tế thị trường

Hoạt động thông tin, ở những nước có nền kinh tế thị trường lâu năm- không là dạng hoạt động mang lại nhiều lợi nhuận, ở những nước có nền kinh tế đang chuyển đổi như Nga và Đông Âu- không là bài toán dễ tìm ra lời giải, ở nước ta- không thể tránh khỏi nhiều khó khăn. Thị trường Việt Nam, cùng với việc gia nhập Tổ chức Thương mại Thế giới, sẽ dần được mở cửa. Dịch vụ và sản phẩm thông tin, như bất kỳ loại hàng hóa nào khác, không thể là một ngoại lệ trong xu thế tất yếu này. Sẽ có cơ may tìm ra được giải pháp nếu mỗi cơ sở vận dụng cách tiếp cận thị trường trong việc tổ chức hoạt động thông tin của mình, tận dụng triệt để các ưu đãi mà Nghị định 115/2005/NĐ-CP mang lại. Một trong số những ưu đãi có thể đề cập đến là: “Theo quy định tại khoản 5 Điều 9 Nghị định 115 thì tổ chức KH&CN chuyển sang hoạt động theo hình thức tự trang trải kinh phí tiến hành hoạt động sản xuất kinh doanh được hưởng các chính sách ưu đãi về thuế thu nhập doanh nghiệp như đối với doanh nghiệp sản xuất mới thành lập (tham khảo Nghị định số 24/2007/NĐ-CP quy định chi tiết thi hành Luật thuế thu nhập doanh nghiệp). Sau khi được cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, tổ chức KH&CN được hưởng chế độ miễn giảm thuế thu nhập doanh nghiệp như sau:

- Được miễn thuế 02 năm, kể từ khi có thu nhập chịu thuế và giảm 50% số thuế phải nộp cho 02 năm tiếp theo đối với cơ sở sản

xuất mới thành lập từ dự án đầu tư và cơ sở kinh doanh di chuyển địa điểm ra khỏi đô thị theo quy hoạch đã được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt;

- Được miễn thuế 02 năm, kể từ khi có thu nhập chịu thuế và giảm 50% số thuế phải nộp cho 03 năm tiếp theo đối với cơ sở kinh doanh mới thành lập từ dự án đầu tư vào ngành nghề, lĩnh vực thuộc danh mục lĩnh vực ưu đãi đầu tư;

- Được miễn thuế 02 năm, kể từ khi có thu nhập chịu thuế và giảm 50% số thuế phải nộp cho 06 năm tiếp theo đối với cơ sở kinh doanh mới thành lập từ dự án đầu tư tại địa bàn thuộc danh mục địa bàn có điều kiện kinh tế-xã hội khó khăn và cơ sở kinh doanh di chuyển đến địa bàn thuộc danh mục địa bàn có điều kiện kinh tế-xã hội khó khăn;

- Được miễn thuế 03 năm, kể từ khi có thu nhập chịu thuế và giảm 50% số thuế phải nộp cho 07 năm tiếp theo đối với cơ sở kinh doanh mới thành lập từ dự án đầu tư vào ngành nghề, lĩnh vực thuộc danh mục lĩnh vực ưu đãi đầu tư và thực hiện tại địa bàn thuộc danh mục địa bàn có điều kiện kinh tế-xã hội khó khăn;

- Được miễn thuế 04 năm, kể từ khi có thu nhập chịu thuế và giảm 50% số thuế phải nộp cho 09 năm tiếp theo đối với cơ sở kinh doanh mới thành lập từ dự án đầu tư vào ngành nghề, lĩnh vực thuộc danh mục ngành nghề, lĩnh vực đặc biệt ưu đãi đầu tư hoặc thực hiện tại địa bàn thuộc danh mục địa bàn có điều kiện kinh tế-xã hội đặc biệt khó khăn” [2].

Tài liệu tham khảo

1. Rodionov I.. *Economics of information and knowledge*. Fair Press, Moscow, 2006

2. *Tạp chí hoạt động khoa học-Hỏi đáp về Nghị định 115/2005/NĐ-CP* (Tin ngày 20-02-2008)

3. "VietNamNet" Bill Gates:"*Thương vụ Micro-hoo khó thành!*" 12:03' 30/06/2008 (GMT+7)